

BÁO CÁO

Về kết quả thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của trường THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp năm học 2023-2024

Căn cứ Công văn số 66/GDDT-VP ngày 24/01/2019 của phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12;

Căn cứ Kế hoạch số 151/KH-NVN ngày 06 tháng 9 năm 2023 về thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

I. Những nội dung công khai trong Kế hoạch của đơn vị

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục thực tế
 - + Cam kết chất lượng giáo dục: (Theo Biểu mẫu 09).
 - + Chất lượng giáo dục thực tế: (Theo Biểu mẫu 10).
 - + Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.
- Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục
 - + Cơ sở vật chất: (Theo Biểu mẫu 11).
 - + Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: (Theo Biểu mẫu 11).
- Công khai thu chi tài chính
 - + Thực hiện như quy định tại điểm a, b, c của Khoản 3, Điều 4 của Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

+ Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

II. Kết quả thực hiện

- + Hình thức công khai:
 - a) Công khai chất lượng và các điều kiện giáo dục
 - Nhà trường đã niêm yết tại bảng công khai đảm bảo thuận tiện cho cán bộ giáo viên và cha mẹ học sinh xem xét.
 - Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh.
 - Công khai trên website của nhà trường:
<https://thcsnguyenvinhnghiep.hcm.edu.vn>.
 - b) Công khai tài chính
 - Niêm yết tại bảng công khai, qua hội đồng sư phạm nhà trường.



- Công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.
- + Thời điểm công khai:
- Công khai trên trang thông tin điện tử nhà trường sau khi kết thúc năm học (tháng 6 hàng năm) và cập nhật bổ sung vào thời điểm khai giảng năm học mới (tháng 9), hoặc khi có sự thay đổi nội dung liên quan.

+ Đã công khai các nội dung:

Nhà trường đã triển khai và thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc công khai theo quy định:

- Chất lượng giáo dục thực tế năm học 2023 – 2024
- Lên lớp thẳng 96,83%
- Học tập:
 - + Khối 6: Tốt: 108 (33,86%); Khá: 114 (35,74%); Đạt: 73 (22,88%); Chưa đạt: 24 (7,52%)
 - + Khối 7: Tốt: 71 (31,84%); Khá: 85 (38,12%); Đạt: 50 (22,42%); Chưa đạt: 17 (7,62%)
 - + Khối 8: Tốt: 71 (41,76%); Khá: 73 (42,94%); Đạt: 24 (14,12%); Chưa đạt: 2 (1,18%)
 - + Khối 9: Giỏi: 147 (49,16%); Khá: 105 (35,12%); Trung bình: 46 (15,38%); Yếu: 1 (0,33%)
- Rèn luyện: Đạt yêu cầu 100%
- Tốt nghiệp THCS: 100%
- Hiệu suất đào tạo: 89.52%
- Học sinh giỏi cấp quận: 03 học sinh
- Học sinh giỏi cấp thành phố: 01 học sinh
- Giải Thể thao học sinh cấp Quận, Thành phố đạt:
 - + Thành phố: HCB: 01; HCBĐ: 02
 - + Quận: HCV: 04; HCB: 02; HCBĐ: 27
- Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục
- a) Cơ sở vật chất:
 - Diện tích trường: 1.769,4 m²
 - Diện tích sân chơi: 1.010 m²
 - Số phòng học: 14
 - Số phòng bộ môn: 04
 - + Phòng ban giám hiệu: 02; phòng y tế: 01; phòng tài vụ: 01; phòng truyền thống: 01; Hội trường: 01; phòng thư viện: 01, thiết bị: 01; phòng học vụ: 00; phòng Đoàn – Đội – Công đoàn: 02; phòng thiết bị giáo dục: 01; khu vệ sinh dành cho giáo viên: 02; khu vệ sinh dành cho học sinh: 02.

- Các trang thiết bị liên quan đến hoạt động dạy học 2 buổi/ngày: phòng học đảm bảo, đầy đủ ánh sáng, quạt, thoáng mát; mỗi phòng học được trang bị 01 Smart tivi; hệ thống âm thanh; thư viện đảm bảo đủ sách tham khảo; thiết bị đầy đủ cho 4 khối lớp. Các phòng đều được trang bị đầy đủ đồ dùng và thiết bị dạy học phục vụ tốt nhất cho việc học, sinh hoạt tại trường của học sinh, tạo niềm tin và sự an tâm nơi phụ huynh.

STT	Hiện trạng cơ sở vật chất	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Khối phòng học tập			
	- Phòng học	phòng	14	
	- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	phòng	01	
	- Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	phòng	01	
	- Phòng học bộ môn Tin học	phòng	02	
2	Khối phòng hỗ trợ học tập			
	- Thư viện	phòng	01	
	- Phòng thiết bị giáo dục	phòng	01	
	- Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng	01	
	- Phòng truyền thống	phòng	01	
	- Phòng Đoàn, Đội	phòng	02	

3	Khối hành chính quản trị			
	- Phòng Hiệu trưởng	phòng	01	
	- Phòng Phó Hiệu trưởng – Văn thư	phòng	01	
	- Văn phòng	phòng	01	
	- Phòng bảo vệ	phòng	01	

	- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	02	
	- Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	01	
4	Khối phụ trợ			
	- Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường	phòng	01	
	- Phòng Y tế học đường	phòng	01	
	- Nhà kho	nhà	01	
	- Khu để xe học sinh	khu	01	
	- Khu vệ sinh học sinh	khu	02	
	- Cổng, hàng rào	hạng mục	02	
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao			
	- Sân chơi chung	sân	01	
	- Sân thể dục thể thao	sân	01	
6	Khối phục vụ sinh hoạt			
	- Nhà bếp	nhà	0	
	- Kho bếp	kho	0	
	- Nhà ăn	nhà	0	
	- Nhà ở nội trú học sinh	nhà	0	
	- Phòng quản lý học sinh	phòng	0	
	- Phòng sinh hoạt chung	phòng	0	
7	Hạng mục khác			
	- Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	phòng	0	
	- Phòng nghỉ giáo viên	phòng	01	
	- Phòng giáo viên	phòng	01	

- Nhà đa năng	nhà	0	
- Nhà văn hóa	nhà	0	

- Cơ sở vật chất, phòng học, thiết bị (thiết bị chiếu sáng: 10 đèn/lớp – thiết bị tạo sự thông thoáng: 4 quạt/lớp) được bố trí phù hợp đảm bảo đủ ánh sáng và thoáng mát cho học sinh học tập.

b) Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên:

* Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 60

Trong đó: Thạc sĩ: 3, đại học 47, cao đẳng: 1, trung cấp: 5; Trình độ khác:

4 (Bảo vệ + Phục vụ)

* Tổng số giáo viên: 48. Biên chế: 48.

Trong đó: Đại học: 47; Cao đẳng: 1.

* Cán bộ quản lý: 2. Đại học: 1; Thạc sĩ: 1

Trong đó: Hiệu trưởng: 1; Phó hiệu trưởng: 1

* Nhân viên: 10

Trong đó: Kế toán: 1, văn thư: 1, y tế: 1; Thư viện: 1; nhân viên khác: 6

- Công khai thu chi tài chính

Đối với các nội dung dự toán năm ngân sách và quyết toán ngân sách, các nội dung thu-chi ngân sách và thu- chi khác theo quý. Nhà trường thực hiện công khai tại cuộc họp Hội đồng trường; đồng thời niêm yết công khai báo cáo tổng hợp hoạt động thu chi tài chính của đơn vị tại bảng thông báo vào tháng 9 hàng năm; biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2019 của Bộ Tài chính.

Đối với các nội dung công khai mức thu học phí, và một số khoản thu theo thỏa thuận trong năm học; chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp miễn giảm học phí đối với trẻ có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện được hưởng chính sách xã hội; Nhà trường thực hiện thông báo công khai tại các cuộc họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học.

a) Tình hình tài chính của nhà trường.

Nhà trường thực hiện công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ học sinh

- Công khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên về thực hiện các khoản thu;

- Công khai mức thu học phí, và dự toán thu chi các khoản thu thỏa thuận.

c) Các khoản chi theo từng năm học:

- Công khai bảng chi trả thu nhập của cán bộ , giáo viên,

- Công khai dự toán và quyết toán các khoản chi chuyên môn, hội nghị , sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị phục vụ chăm sóc giáo dục trẻ.



d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Công khai danh sách học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo được hưởng chế độ hỗ trợ tiền chi phí học tập, miễn giảm học phí...

III. Việc thực hiện Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2024-2025

- Kết quả thực hiện báo cáo công khai của năm học trước được thực hiện đầy đủ và đã triển khai kế hoạch quy chế công khai năm học 2024 – 2025.

IV. Nhận xét, đánh giá:

1. Ưu điểm:

- Trong năm học qua việc thực hiện quy chế công khai trong hoạt động của nhà trường có những chuyển biến tích cực, tình hình dân chủ từng bước được nâng lên, nhận thức của cán bộ giáo viên, nhân viên có nhiều chuyển biến, đề cao trách nhiệm trong công việc, thực hiện tốt nội quy, quy chế của nhà trường, nội bộ đoàn kết, không có trường hợp tiêu cực tham nhũng bị xử lý.

- Việc thực hiện tốt quy chế công khai đã giúp cho quan hệ của cán bộ giáo viên, nhân viên với phụ huynh học sinh được tốt hơn.

2. Hạn chế:

- Hình thức công khai chưa được phong phú.

V. Đề nghị: Không

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Lưu VT.

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Lệ Hằng

Biểu mẫu 05

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN VĂN NGHỆP

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường THCS, năm học 2023-2024
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017; Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>- Đối với lớp 6: Học sinh hoàn thành chương trình bậc tiểu học tại trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai và Tiểu học Thuận Kiều, Nguyễn Thị Định, Phường Tân Thới Nhất, quận 12.</p> <p>- Các lớp khác: Nhà trường vẫn tiếp nhận học sinh chuyển đến.</p>			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<p>- Thực hiện chương trình giáo dục ban hành theo Quyết định 16/2006/QĐ ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT và các văn bản chỉ đạo của ngành và Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 chương trình giáo dục phổ thông 2018.</p>			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>- Có Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường, hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT) và Điều lệ trường THCS (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT); có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Phối, kết hợp tốt với các đoàn thể ở địa phương trong việc giáo dục học sinh. Thực hiện tốt thông tin 2 chiều thông qua trao đổi trực tiếp, số liên lạc, điện thoại hoặc email, zalo giữa nhà trường, giáo viên chủ nhiệm với cha mẹ học sinh. Thực hiện họp định kỳ giữa nhà trường với Ban đại diện Cha mẹ học sinh.</p> <p>- Học sinh thực hiện tốt các nhiệm vụ học sinh theo Điều lệ Trường THCS, tuân thủ theo nội quy học sinh.</p>			

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục truyền thống và rèn kỹ năng sống cho học sinh, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, phòng chống tai nạn, thương tích, ... Đưa các trò chơi dân gian vào trường học, tổ chức các cuộc thi, các sân chơi trí tuệ, ... nhằm phục vụ cho việc giáo dục toàn diện cho học sinh. - Học sinh thuộc hộ nghèo được xét cấp hỗ trợ chi phí học tập, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, ...
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, 100% học sinh lớp 9 hoàn thành chương trình THCS theo quy định của Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Đảm bảo tốt, có hiệu quả việc đánh giá thường xuyên về học tập, về năng lực, phẩm chất của học sinh. + Đánh giá định kỳ các môn học: phần đầu 96% học sinh đạt học lực từ trung bình trở lên; 99% học sinh đạt hạn kiểm khá tốt; - Đảm bảo an toàn, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và phòng chống tai nạn, thương tích trong trường học cho học sinh. - Học sinh được tập luyện thể dục thể thao thường xuyên. - Phần đầu là đơn vị có môi trường giáo dục, chất lượng giáo dục tốt.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Phần đầu không có học sinh bỏ học. Đảm bảo chất lượng kiến thức theo chuẩn để học sinh học lên lớp trên, 100% học sinh hoàn thành chương trình THCS.

Quận 12, ngày 01 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lệ Hằng

Biểu mẫu 06

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN VĂN NGHIỆP

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục THCS thực tế
năm học 2023-2024**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017; Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Tổng số học sinh	1011	319	223	170	299
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0
III	Số học sinh chia theo hạnh kiểm					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1011 100%	319 100%	223 100%	170 100%	299 100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	00 0,0%	00 0,0%	00 0,0%	00 0,0%	00 0,0%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	00 0,0%	00 0,0%	00 0,0%	00 0,0%	00 0,0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,0%	0 0,0%	0 0,0%	0 0,0%	0 0,0%
IV	Số học sinh chia theo học lực					
1	Tốt (K6;7,8); Giỏi (K9) (tỷ lệ so với tổng số)	397 39.3%	108 33.9%	71 31.8%	71 41.8%	147 49.2%
2	Khá (6,7,8,9) (tỷ lệ so với tổng số)	377 37.3%	114 45.1%	85 38,1%	73 42.9%	105 35.1%
3	Đạt: (khối 6,7,8); TB: Khối 9 (tỷ lệ so với tổng số)	193 19.1%	73 22.9%	50 22.4%	24 14.1%	46 15.4%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
4	Chưa đạt (khối 6,7, 8); Yêu: Khối 9 (tỷ lệ so với tổng số)	44 4.35%	24 7.5%	17 7.6%	2 1.2%	1 0.3%
V	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1002 99.1%	314 98.4%	219 98.2%	170 100%	299 100%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	09 0.9%	5 1.6%	4 1.8%	0 0%	0 0%

Quận 12, ngày 03 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lệ Hằng
Nguyễn Thị Lệ Hằng

Biểu mẫu 07

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN VĂN NGHỆP

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS, năm học 2023-2024
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017; Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	14/25	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố	3	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	1769,4 m ²	1,88 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	456,4 m ²	1,92 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	672	0,72 m²/học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	
2	Diện tích thư viện (m ²)	72	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	96	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	0	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	22,4	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo	15	



	quy định		
1.1	Khối lớp 6	4	
1.2	Khối lớp 7	3	
1.3	Khối lớp 8	4	
1.4	Khối lớp 9	4	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	117	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	18	
2	Cát xét	7	
3	Đầu Video/đầu đĩa	00	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	04	
5	Thiết bị khác...	04	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	00
XI	Nhà ăn	00

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	00	00	00
XIII	Khu nội trú	00	00	00

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	00	2	00	0,04
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00	00	00	0

(*Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT về Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Quận 12, ngày 01 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lệ Hằng



STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Bảo vệ, phục vụ, giám thị	5					1	4							

* Ghi chú:

Quận 12, ngày 01 tháng 1 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lệ Hằng